TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TƯ NGHĨA** **TỈNH QUẢNG NGÃI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 05/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 10 - 5 - 2022
V/v: "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TƯ NGHĨA, TỈNH QUẢNG NGÃI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Đỗ Tài Tính.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Hồng Sơn;

2. Bà Tạ Thị Anh Pha.

- Thư ký phiên tòa: Ông Bùi Quốc Hùng – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tư Nghĩa, tỉnh Quảng Ngãi.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tư Nghĩa, tỉnh Quảng Ngãi *tham gia phiên tòa:* Bà Phạm Thị Thu Hồng – Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 5 năm 2022, tại Hội trường xử án Tòa án nhân dân huyện Tư Nghĩa, tỉnh Quảng Ngãi, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 25/2021/TLST-HNGĐ ngày 09 tháng 12 năm 2021 về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 26/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 22 tháng 4 năm 2022, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Xuân T, sinh năm: 1999.

Bị đơn: Anh Trần Việt T, sinh năm: 1992.

Cùng địa chỉ: Xóm 1, thôn An H, xã Nghĩa K, huyện Tư N, tỉnh Quảng Ngãi.

Chị Nguyễn Thị Xuân T và anh Trần Việt T đều có mặt tại phiên tòa.

NỘI DỤNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 26/11/2021, bản trình bày ngày 19/01/2022 và trong quá trình tố tụng, nguyên đơn chị Nguyễn Thị Xuân T trình bày: Chị và anh Trần Việt T tự nguyện tìm hiểu và đăng ký kết hôn vào năm 2019 tại Ủy ban nhân dân xã B, huyện Ba T, tỉnh Quảng Ngãi. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc, hòa thuận nhưng về sau chị và anh Tiến phát sinh nhiều mâu thuẫn, thường xuyên cãi vả vì lý do anh T thường xuyên uống rượu và đánh cờ bạc không quan

tâm, chăm lo đến vợ con, bản thân chị bị anh T ghen tuông vô cớ. Vợ chồng không cùng quan điểm sống, tuy sống chung với gia đình mẹ chị nhưng vợ chồng sống ly thân, không quan hệ gì với nhau, phần ai nấy sống kể từ tháng 4/2021 đến nay.

Nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn thương yêu quý trọng với nhau nữa, mục đích hôn nhân không đạt được, chị T yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị ly hôn với anh Trần Việt T.

Về con chung: Vợ chồng có một con chung tên Trần Tiến D, sinh ngày 15/12/2019 hiện nay chị T đang nuôi dưỡng và chăm sóc. Khi ly hôn, chị T yêu cầu được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu D vì cháu D chưa đủ 36 tháng tuổi, không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Không yêu cầu tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có.

Tại bản trình bày ngày 23/02/2022 và tại phiên tòa bị đơn anh Trần Việt T trình bày: Về quan hệ hôn nhân anh thống nhất với lời trình bày của chị T. Về mâu thuẫn vợ chồng, anh T đồng ý giữa anh và chị T có cãi vã, bất đồng quan điểm sống, tuy nhiên mâu thuẫn không trầm trọng như chị T trình bày, anh vẫn còn yêu thương chị T. Nay chị T khởi kiện yêu cầu ly hôn anh T không đồng ý.

Về con chung: Vợ chồng có một con chung tên Trần Tiến D, sinh ngày 15/12/2019 hiện đang sống chung với anh và chị T. Trường hợp Tòa giải quyết ly hôn anh T có nguyện vọng được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu D, không yêu cầu chị T cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có.

Ý kiến của Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa:

Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Thư ký đã thực hiện đúng theo quy định của pháp luật, việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

Việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn, bị đơn từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án: Nguyên đơn thực hiện đúng theo quy định tại Điều 70 và Điều 71 Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn chưa thực hiện đúng theo quy định tại Điều 70, Điều 72 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về quan điểm giải quyết vụ án:

- Đề nghị HĐXX chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, xử cho chị Nguyễn Thị Xuân T được ly hôn với anh Trần Việt T.

- Về con chung: Cháu Trần Tiến D, sinh ngày 15/12/2019 hiện nay chị T đang nuôi dưỡng, chăm sóc, cháu D chưa đủ 36 tháng tuổi. Đề nghị HĐXX căn cứ khoản 3 Điều 81 luật Hôn nhân và gia đình giao cháu D cho chị T được trực tiếp nuôi con chung, anh T không cấp dưỡng nuôi con.

- Tài sản chung và nợ chung: Chị Nguyễn Thị Xuân T và anh Trần Việt T đều

xác định không có. Đề nghị HĐXX không xem xét giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Nguyên đơn yêu cầu *"Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn"* được quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn có nơi cư trú tại huyện Tư Nghĩa, tỉnh Quảng Ngãi nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tư Nghĩa, tỉnh Quảng Ngãi được quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Xuân T và anh Trần Việt T đăng ký kết hôn vào năm 2019 tại Ủy ban nhân dân xã Ba Đ, huyện Ba T, tỉnh Quảng Ngãi và được cấp chứng nhận đăng ký kết hôn là trên tinh thần tự nguyện có tìm hiểu với nhau. Quan hệ hôn nhân giữa chi T và anh T là hợp pháp, được quy định tại Điều 8, Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Về căn cứ cho ly hôn: Trong quá trình chung sống, chị T và anh T phát sinh mâu thuẫn. Tuy sống chung tại nhà cha mẹ của chị T nhưng hai người sống ly thân, không có trách nhiệm gì với nhau kể từ tháng 4/2021 đến nay. Tòa án mở phiên hòa giải để hai bên hàn gắn lại tình cảm, nhưng không tiến hành hoà giải được vì anh T vắng mặt. Tại phiên tòa, chị T xác định không còn tình cảm thương yêu anh T nữa, cương quyết yêu cầu được ly hôn anh T.

Tại biên bản xác minh ngày 22/3/2022, bà Nguyễn Thị H mẹ ruột của nguyên đơn cho biết: Vợ chồng chị T, anh T hiện đang sinh sống tại nhà bà ở Xóm 1, thôn An Hội Bắc 1, xã Nghĩa Kỳ, huyện Tư Nghĩa, tỉnh Quảng Ngãi từ khi mới cưới cho đến nay, quá trình chung sống giữa chị T và ang T không phát sinh mâu thuẫn gì lớn, chỉ có mâu thuẫn về vấn đề tiền bạc, anh T có thời gian không tận tâm chăm lo cho gia đình, một mình chị T phải đi làm lo cho con, anh T có ghen tuông chị T vô cớ. Bà đã nhiều lần khuyên răn anh T nhưng anh T không chịu thay đổi.

Từ những tình tiết, sự kiện nêu trên, chứng tỏ mâu thuẫn vợ chồng giữa chị T, anh T là trầm trọng, đời sống chung vợ chồng trên thực tế không còn, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, HĐXX chấp nhận yêu cầu của chị T, chị T được ly hôn với anh T.

[2.2] Về con chung: Chị T và anh T có một con chung tên Trần Tiến D, sinh ngày 15/12/2019, cháu D hiện tại còn nhỏ dưới 36 tháng tuổi nên giao cho mẹ là chị T trực tiếp nuôi là đảm bảo cho sự phát triển của cháu D và phù hợp với quy định tại khoản 3 Điều 81 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014. Chị T không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con nên HĐXX không xem xét.

[2.3] Về tài sản chung và nợ chung, không có nên HĐXX không xem xét giải quyết.

[3] Đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên ghi nhận.

[4] Về án phí: Căn cứ Điều 147 Bộ luật tố tụng hành dân sự; Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Nguyên đơn chị Nguyễn Thị Xuân T phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng), được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị T đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí số: 0000967 ngày 08 tháng 12 năm 2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tư Nghĩa, tỉnh Quảng Ngãi.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 8, Điều 9; Điều 51; khoản 1 Điều 56, khoản 3 Điều 81, Điều 82, Điều 83, 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147**,** Điều 266, 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1.Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Xuân T được ly hôn với anh Trần Việt T.

2.Về con chung: Giao con chung Trần Tiến D, sinh ngày 15/12/2019 cho chị T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng đến khi con đủ 18 tuổi. Anh T không cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được quyền cản trở.

Việc thay đổi người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn được thực hiện theo quy định tại Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình.

3.Về án phí: Chị Nguyễn Thị Xuân T phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị T đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí số: 0000967 ngày 08 tháng 12 năm 2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tư Nghĩa, tỉnh Quảng Ngãi.

4. Nguyên đơn và bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Nơi nhận:
-TAND tỉnh Quảng Ngãi;
-VKSND huyện Tư Nghĩa, tỉnh Quảng Ngãi;
- Chị cục THADS huyện Tư Nghĩa, tỉnh Quảng Ngãi;
- UBND xã Ba Đ, huyện Ba Tơ;
- Đương sự;
- Lưu: Hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Đỗ Tài Tính